

See Beyond The Game. Visualize Your Victory.

Inspired by the rigorous quality testing in the production of MSI G series, MSI G series' design is full of symbols of sturdiness and durability. Additionally, to provide quality user experience, G series has really simple installation process and a friendly user interface, and will be the best choice for entry level gamers to step into the game world.



Picture and logos

SELLING POINTS

- Màn hình chơi game cong (1500R) - Độ chìm đắm vào trong thế giới game tốt nhất.
- Tần số quét hình 250Hz - Trải nghiệm game mượt mà với tốc độ quét hình siêu cao và thời gian đáp ứng siêu nhanh.
- HDR Ready - Đem đến các chi tiết bắt mắt nhờ điều chỉnh độ tương phản và đổ bóng.
- Night Vision - Nhìn được mọi chi tiết rõ ràng trong tối, giúp bạn tìm ra và tấn công đối thủ trước khi bị phát hiện.
- Chống chớp hình và giảm ánh sáng xanh - Chơi game thời gian dài cũng không bị mỏi mắt hay gặp các vấn đề về mắt khác.
- Thiết kế không viền - Trải nghiệm chơi game tối thượng.
- Góc nhìn rộng 178°.



1. 5-way joystick navigator
2. 1x DC Jack
3. 2x HDMI™ (2.0b)
4. 1x Display Port (1.2a)
5. 1x Earphone out
6. 1x Kensington lock

SPECIFICATION

Model	Entity MKT Name	G27C4X
	Part No	9S6-3CA91T-202
	Color	ID1/Black-Black
	MKT Name	G27C4X
	MKT Spec	G27C4X
Barcode Info	EAN	4711377084543
	UPC	824142319321
	UCC14	10824142319328
Display	Screen Size	27" (69 cm)
	Active Display Area (mm)	597.888(H)x336.312(V)
	Curvature	Curve 1500R
	Panel Type	VA
	Resolution	1920x1080 (FHD)
	Pixel pitch (mm)	0.3114(H)x0.3114(V)
	Aspect Ratio	16:9
	Dynamic Refresh Rate technology	FreeSync Premium
	Dynamic Refresh Rate Activated Range	96~250Hz
	HDR (High dynamic range)	HDR Ready
	SDR Brightness (nits)	300
	Contrast Ratio	3000:1
	DCR (Dynamic Contrast Ratio)	100000000:1
	Signal Frequency	258.3~274.3 KHz(H) / 96~250 Hz(V)
	Refresh Rate	250Hz
	Response Time (MPRT)	1ms(MPRT)
	Response Time (GTG)	4ms
	View Angles	178°(H)/178°(V)
	NTSC (CIE1976 area percentage/overlap)	98.48%/86.73%
	NTSC (CIE1931 area percentage/overlap)	85.9%/81.04%
	sRGB (CIE1976 area percentage/overlap)	112.95%/96.67%
	sRGB (CIE1931 area percentage/overlap)	121.28%/99.08%
	Adobe RGB (CIE1976 area percentage/overlap)	96.79%/88.67%
	Adobe RGB (CIE1931 area percentage/overlap)	89.89%/83.63%
	DCI-P3 (CIE1976 area percentage/overlap)	89.95%/89.72%
	DCI-P3 (CIE1931 area percentage/overlap)	89.40%/89.26%
	Rec.709 (CIE1976 area percentage/overlap)	112.95%/96.67%
	Rec.709 (CIE1931 area percentage/overlap)	121.28%/99.08%
	Rec.2020 (CIE1976 area percentage/overlap)	65.54%/65.54%
	Rec.2020 (CIE1931 area percentage/overlap)	64.14%/64.14%
Surface Treatment	Anti-glare	
Display Colors	1.07B	
Color bit	10 bits (8 bits + FRC)	
I/O Ports	Headphone-out	1
	Lock type	Kensington Lock
	HDMI	2
	HDMI version	2.0b
	HDMI HDCP version	2.3
	DisplayPort	1
	DisplayPort version	1.2a
	DisplayPort HDCP version	2.3
	HDMI™	2
	HDMI™ version	2.0b
	HDMI™ HDCP version	2.3
Design	Adjustment (Tilt)	-5° ~ 20°
	VESA Mounting	100x100mm
	Frameless Design	Yes

In The Box	DisplayPort Cable	1
	HDMI Cable	0
	DVI Cable	0
	USB Type A to Type B Cable	0
	USB Type C to Type A Cable	0
	USB Type C to Type C Cable	0
	Thunderbolt Cable	0
	VGA Cable	0
	3.5mm audio Cable	0
	3.5mm combo audio Cable	0
	3.5mm Mic Cable	0
	Power Cord	1
	AC Adaptor	1
	Quick Guide	1
	Warranty Card	0
	Mouse Bungee Unit	0
	Switch Case	0
	Portable Screen Protection Case	0
	Monitor Hood	0
	Speaker (Accessories)	0
HDMI™ Cable	0	
VESA Screw	0	
Power	Power Type	External Adaptor 20V 2.25A
	Power Input	100~240V, 50/60Hz
	On-mode Power Consumption (KWh/1000h)	21
	Standby-mode Power Consumption (W)	0.5
	Off-mode Power Consumption (W)	0.3
	Energy Efficiency Rating	E
	Power Cord Type	C5
	Adapter's KC safety Number	SU10469-15001
Dimension & Weight (product)	Product Dimension with Stand (WxDxH) (mm)	611.5 x 225.4 x 457.9
	Product Dimension without Stand (WxDxH) (mm)	611.5 x 75.9 x 372.8
	Stand Dimension (WxDxH) (mm)	452.8 x 225.4 x 263.2
	Weight (Net kg)	4.5
	Weight Without Stand (kg)	3.8
Dimension & Weight (box)	Inside Carton Dimension (WxDxH) (cm)	68.3 x 15.7 x 46.3
	Outer Carton Dimension (WxDxH) (cm)	69.8 x 17.2 x 48.8
	Weight (Gross kg)	6.3
Warranty	Warranty	36M
Dimension & Weight	Inside Carton Dimension (WxDxH) (inch)	26.89 x 6.18 x 18.23
	Weight (Net kg)	4.5
	Weight (Gross kg)	6.3
Outer Carton Dimension (WxDxH)	Outer Carton Dimension (WxDxH) (inch)	27.48 x 6.77 x 19.21
Weight	Weight Without Stand (kg)	3.8
Product Dimension with Stand (WxDxH)	Product Dimension with Stand (WxDxH) (mm)	611.5 x 225.4 x 457.9
	Product Dimension with Stand (WxDxH) (inch)	24.07 x 8.87 x 18.03
Stand Dimension (WxDxH)	Stand Dimension (WxDxH) (mm)	452.8 x 225.4 x 263.2
	Stand Dimension (WxDxH) (inch)	17.83 x 8.87 x 10.36
Product Dimension without Stand (WxDxH)	Product Dimension without Stand (WxDxH) (mm)	611.5 x 75.9 x 372.8
	Product Dimension without Stand (WxDxH) (inch)	24.07 x 2.99 x 14.68